

**PHỤ LỤC 1**  
**THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**  
(Ban hành kèm theo Công văn số /BVĐK-ĐT ngày tháng năm 2026)  
(Đến thời điểm 31/03/2026)

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/gh ế răng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
<b>Chuyên khoa II</b>										
					Tham gia khám bệnh, chẩn đoán, điều trị và làm bệnh án các bệnh nội	TT Tim mạch	1	5	130	390
						Khoa Nội tổng hợp	1	5	108	324
						Khoa Nội hô hấp	2	10	75	225
						Khoa Nội CXK	1	5	40	120
						Khoa Nội tiết	1	5	75	225
				Nội		TT Bảo vệ sức khỏe cán bộ	2	10	25	75

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/gh ế răng
1	CK 62 72 20 40	Chuyên khoa II	Nội khoa	tổng hợp	khoa. Thực hiện thủ thuật nội khoa thông thường.	Khoa Truyền nhiễm	1	5	65	195
						Khoa Cấp cứu	1	5	10	30
						Khoa Đột quỵ	1	5	40	120
						Khoa Nội thận tiết niệu	2	10	30	90
						KBYC	1	5	30	90
						Khoa Thần Kinh	2	10	69	207
						Khoa PHCN	1	5	25	75
<b>Cộng hệ Nội</b>						<b>17</b>	<b>85</b>	<b>722</b>	<b>2166</b>	
2	CK 62 72 07 50	Chuyên khoa II	Ngoại khoa	Ngoại tổng hợp	Chẩn đoán và điều trị Ngoại khoa. Phẫu thuật - thủ thuật.	TT PT Tiêu hóa & Gan mật tụy	3	15	100	300
						Khoa Ngoại thận TN	2	10	64	192
						Khoa Chấn thương	3	15	92	276
						Khoa Ngoại TK-SN	2	10	65	195

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/gh ế răng
						Khoa Khám bệnh yêu cầu	1	5	30	90
						TT Ung bướu	2	10	203	609
	<b>Cộng hệ Ngoại</b>						<b>13</b>	<b>65</b>	<b>554</b>	<b>1662</b>
<b>Chuyên khoa I</b>										
					Tham gia khám bệnh, chẩn đoán, điều trị và làm bệnh án các bệnh nội	TT Tim mạch	4	20	130	390
						Khoa Nội tổng hợp	5	25	108	324
						Khoa Nội hô hấp	3	15	75	225
						Khoa Nội CXK	2	10	40	120
						Khoa Nội tiết	3	15	75	225
						TT Bảo vệ sức khỏe cán bộ	3	15	25	75
						Khoa Truyền nhiễm	4	20	65	195

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/gh ế răng
3	CK627220	Chuyên khoa I	Nội khoa	Nội tổng hợp	Thực hiện thủ thuật nội khoa thông thường.	Khoa Hồi sức tích cực & phòng chống độc	2	10	44	132
						Khoa Cấp cứu	4	20	10	30
						Khoa Đột quy	2	10	40	120
						Khoa Nội thận tiết niệu	3	15	30	90
						KBYC	1	5	30	90
						Khám bệnh	3	15		
						Khoa Thần Kinh	3	15	69	207
						Khoa PHCN	1	5	25	75
<b>Cộng hệ Nội</b>						<b>43</b>	<b>215</b>	<b>766</b>	<b>2298</b>	

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/gh ế răng
4	CK627207	Chuyên khoa I	Ngoại khoa	Ngoại tổng hợp	Chẩn đoán và điều trị Ngoại khoa. Phẫu thuật - thủ thuật.	TT PT Tiêu hóa & Gan mật tụy	4	20	100	300
						Khoa Ngoại thận TN	2	10	64	192
						Khoa Chấn thương	4	20	92	276
						Khoa Ngoại TK-SN	3	15	65	195
						Khoa Khám bệnh yêu cầu	2	10	30	90
						TT Ung bướu	4	20	203	609
<b>Cộng hệ Ngoại</b>							<b>19</b>	<b>95</b>	<b>554</b>	<b>1662</b>
<b>Đại học</b>										
						TT Tim mạch	4	40	130	390

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/gh ế răng
5	7720101	Đại học	Y đa khoa	Nội tổng hợp	Tham gia khám bệnh, chẩn đoán, điều trị và làm bệnh án các bệnh nội khoa. Thực hiện thủ thuật nội khoa thông thường.	Khoa Nội tổng hợp	5	50	108	324
						Khoa Nội hô hấp	4	40	75	225
						Khoa Nội CXK	2	20	40	120
						Khoa Nội tiết	3	30	75	225
						TT Bảo vệ sức khỏe cán bộ	3	30	25	75
						Khoa Truyền nhiễm	4	40	65	195
						Khoa Hồi sức tích cực & phòng chống độc	2	20	44	132
						Khoa Cấp cứu	5	50	10	30
						Khoa Đột quy	2	20	40	120
						Khoa Nội thận tiết niệu	3	30	30	90

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/gh ế răng
						KBYC	1	10	30	90
						Khám bệnh	3	30		
						Khoa Thần Kinh	3	30	69	207
						Khoa Phục hồi chức năng	1	10	25	75
<b>Cộng hệ Nội</b>							<b>45</b>	<b>450</b>	<b>766</b>	<b>2298</b>
6	7720101	Đại học	Y đa khoa	Ngoại tổng hợp	Chẩn đoán và điều trị Ngoại khoa. Phẫu thuật - thủ thuật.	TT PT Tiêu hóa & Gan mật tụy	4	40	100	300
						Khoa Ngoại thận TN	3	30	64	192
						Khoa Chấn thương	4	40	92	276
						Khoa Ngoại TK-SN	2	20	65	195

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/gh ế răng
						Khoa Khám bệnh yêu cầu	2	20	30	90
						TT Ung bướu	4	40	203	609
<b>Cộng hệ Ngoại</b>							<b>19</b>	<b>190</b>	<b>554</b>	<b>1662</b>
	7720101	Đại học	Y đa khoa	Phụ sản	Tham gia khám bệnh, chẩn đoán, điều trị và làm bệnh án các bệnh Sản phụ khoa. Thực hiện thủ thuật sản phụ khoa thông thường.	Khoa Phụ sản	<b>2</b>	<b>20</b>	<b>13</b>	<b>39</b>

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/gh ế răng
7	7720101	Đại học	Y đa khoa	Nhi khoa	Tham gia khám bệnh, chẩn đoán, điều trị và làm bệnh án các bệnh Nhi khoa. Thực hiện thủ thuật nhi khoa thông thường.	Khoa Nhi	1	10	10	30
<b>Cộng Bác sĩ Y khoa</b>							<b>67</b>	<b>670</b>	<b>1320</b>	<b>3960</b>
o	7720501	Đại học	Y đa khoa/ CK Răng	Y đa khoa/ CK Răng	Khám, chẩn đoán, và xử trí. Thủ thuật. Tư vấn	Khoa Răng Hàm Mặt	1	5	22	66

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/gh ế răng
8	7720115	Đại học	chuyên khoa	BS YHCT	Khám, chẩn đoán, và xử trí. Thủ thuật. Tư vấn	Khoa YHCT	2	10	25	75
<b>Cộng Bác sĩ chuyên khoa</b>							<b>3</b>	<b>5</b>	<b>22</b>	<b>66</b>
9	7720201	Đại học	Dược học/ Dược lâm sàng	Dược thực hành	Dược lâm sàng và công tác dược bệnh viện	Khoa Dược	7	70	0	0
<b>Cộng Đại học Dược</b>							<b>7</b>	<b>70</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
						TT tim mạch	3	30	130	390
						Khoa Nội tổng hợp	3	30	108	324

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/gh ế răng
						Khoa Nội hô hấp	1	10	75	225
						Khoa Nội CXK	1	10	40	120
						Khoa Nội tiết	2	20	75	225
						TT Bảo vệ sức khỏe cán bộ	3	30	25	75
						Khoa Truyền nhiễm	3	30	65	195
						Khoa Hồi sức tích cực & phòng chống độc	2	20	44	132
						Khoa Cấp cứu	2	20	10	30

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/gh ế răng
10	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng đa khoa	Thực hành chăm sóc điều dưỡng. Thực hành tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình người bệnh.	Khoa Đột quy	2	20	40	120
						Khoa Nội thân tiết niệu	1	10	30	90
						Khám bệnh	1	10	30	
						KBYC	2	20		0
						Khoa Thần Kinh	3	30	69	207
						Khoa Phục hồi chức năng	1	10	25	75
						Khoa Da liễu	1	10	16	48
						Khoa Y học cổ truyền	1	10	26	78

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/gh ế răng
						TT PT Tiêu hóa & Gan mật tụy	3	30	100	300
						Khoa Ngoại thận TN	3	30	60	180
						Khoa Chấn thương	3	30	85	255
						Khoa Ngoại TK-SN	2	20	65	195
						TT Ung bướu	3	30	203	609
						Khoa Răng Hàm Mặt	2	20	22	66
						Khoa Tai Mũi Họng	2	20	28	84
						Khoa Mắt	1	10	15	45
<b>Cộng Đại học điều dưỡng</b>							<b>51</b>	<b>510</b>	<b>1386</b>	<b>4068</b>

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/gh ế răng
				Kỹ thuật viên hình ảnh		TT CDHA & Điện quang can thiệp	9	90		
						TT Ung bướu	2	10		
				Kỹ		Khoa Huyết học - Truyền máu	2	10		

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/gh ế răng
11	7720601	Đại học	Kỹ thuật viên	Kỹ thuật viên Xét nghiệm		Khoa Hoá sinh - Vi sinh	3	15		
				Kỹ thuật viên Phục hồi chức năng		Phục hồi chức năng	2	10		

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/gh ế răng
<b>Cộng Đại học Kỹ thuật viên</b>							<b>18</b>	<b>125</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Cao đẳng</b>										
12	7720201	Cao đẳng/ Trung cấp	Dược học/ Dược lâm sàng	Dược thực hành	Dược lâm sàng và công tác dược bệnh viện	Khoa Dược	7	105	0	0
<b>Cộng Cao đẳng/ Trung cấp Dược</b>							<b>7</b>	<b>105</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
						TT tim mạch	3	45	130	390
						Khoa Nội tổng hợp	3	45	108	324

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/gh ế răng
						Khoa Nội hô hấp	1	15	75	225
						Khoa Nội CXK	1	15	40	120
						Khoa Nội tiết	2	30	75	225
						TT Bảo vệ sức khỏe cán bộ	3	45	25	75
						Khoa Truyền nhiễm	3	45	65	195
						Khoa Hồi sức tích cực & phòng chống độc	2	30	44	132
						Khoa Cấp cứu	2	30	10	30

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/gh ế răng
13	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng đa khoa	Thực hành chăm sóc điều dưỡng. Thực hành tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình người bệnh.	Khoa Đột quy	2	30	40	120
						Khoa Nội thân tiết niệu	1	15	30	90
						Khám bệnh	1	15	30	
						KBYC	2	30		0
						Khoa Thần Kinh	3	45	69	207
						Khoa Phục hồi chức năng	1	15	25	75
						Khoa Da liễu	1	15	16	48
						Khoa Y học cổ truyền	1	15	26	78

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/gh ế răng
						TT PT Tiêu hóa & Gan mật tụy	3	45	100	300
						Khoa Ngoại thận TN	3	45	60	180
						Khoa Chấn thương	3	45	85	255
						Khoa Ngoại TK-SN	2	30	65	195
						TT Ung bướu	3	45	203	609
						Khoa Răng Hàm Mặt	2	30	22	66
						Khoa Tai Mũi Họng	2	30	28	84
						Khoa Mắt	1	15	15	45
<b>Cộng Cao đẳng điều dưỡng</b>							<b>51</b>	<b>765</b>	<b>1386</b>	<b>4068</b>

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/gh ế răng
				Kỹ thuật viên hình ảnh		TT CDHA & Điện quang can thiệp	9	135		
						TT Ung bướu	2	30		
				Kỹ		Khoa Huyết học - Truyền máu	2	30		

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/gh ế răng
14	6720602	Cao đẳng	Kỹ thuật viên	Kỹ thuật viên Xét nghiệm		Khoa Hoá sinh - Vi sinh	3	45		
				Kỹ thuật viên Phục hồi chức năng		Phục hồi chức năng	2	30		

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/gh ế răng
<b>Cộng Kỹ thuật viên Cao đẳng</b>							18	270		
15	5720101	Trung cấp	Y sĩ	Nội tổng hợp	Tham gia khám bệnh, chẩn đoán, điều trị và làm bệnh án các bệnh nội khoa. Thực hiện thủ thuật	TT tim mạch	3	45	130	390
						Khoa Nội tổng hợp	1	15	108	324
						Khoa Nội hô hấp	2	30	75	225
						Khoa Nội CXK	3	45	40	120
						Khoa Nội tiết	2	30	75	225
						TT Bảo vệ sức khỏe cán bộ	3	45	25	75
						Khoa Truyền nhiễm	2	30	65	195
						Khoa Hồi sức tích cực & phòng chống độc	2	30	44	132

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/gh ế răng
				học	nội khoa thông thường.	Khoa Cấp cứu	2	30	10	30
						Khoa Đột quy	2	30	40	120
						Khoa Nội thận tiết niệu	2	30	30	90
						KBYC	1	15	30	
						Khám bệnh	2	30		0
						Khoa Thần Kinh	2	30	69	207
						Khoa Phục hồi chức năng	2	30	25	75
<b>Cộng hệ Nội</b>							<b>31</b>	<b>465</b>	<b>766</b>	<b>2208</b>
						TT PT Tiêu hóa & Gan mật tụy	4	60	100	300

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/gh ế răng
15	5720101	Trung cấp	Y sĩ	Ngoại tổng hợp	Chẩn đoán và điều trị Ngoại khoa. Phẫu thuật - thủ thuật.	Khoa Ngoại thận TN	3	45	64	192
						Khoa Chấn thương	4	60	92	276
						Khoa Ngoại TK-SN	2	30	65	195
						Khoa Khám bệnh yêu cầu	2	30	30	90
						TT Ung bướu	4	60	203	609
<b>Cộng hệ Ngoại</b>							<b>19</b>	<b>285</b>	<b>554</b>	<b>1662</b>
<b>Cộng Y sĩ</b>							<b>50</b>	<b>750</b>	<b>1320</b>	<b>3870</b>
16	5720102	Trung Cấp	Y sĩ	Y sĩ YHCT	Khám, chẩn đoán, và xử trí. Thủ thuật. Tư vấn	Khoa YHCT	2	<b>30</b>	25	75

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/gh ế răng
-----	------------	----------	---------------------------	--	-------------	-------------------------------	---	--	---	---

**Chú thích:**

- 100% người giảng dạy thực hành tại các khoa có trình độ từ cao đẳng trở lên đã có chứng chỉ giảng viên lâm sàng và đối với trình độ Thạc sỹ và chuyên khoa cấp II đã đáp ứng yêu cầu về bồi dưỡng phương pháp dạy - học lâm sàng trong quá trình đào tạo.
- Được lựa chọn là cơ sở thực hành của trường Đại học Y Hà Nội và trường Đại học Y dược Thái Bình.
- 100% các cơ sở giáo dục đều có chương trình, kế hoạch và hợp đồng đào tạo thực hành theo quy định nghị định 111/2017/NĐ-CP.
- Sinh viên thực tập theo đúng kế hoạch của cơ sở đào tạo và thực hiện đào nhóm giữa các hệ./.